

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng%điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	1 (TN2) 0,25 đ		1 (TN12) 0,25đ	1 (TL4) 1đ					50%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN1) 0,25đ		1 (TN9) 0,25đ	1 (TL1)0,5đ		1 (TL5) 1,5đ		1 (TL6)	
2	Số nguyên (12 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp cácsố nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	2 (TN3,10) 0,5đ	1 (TL2) 0,5đ							20%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợpcác số nguyên	2 (TN4,11) 0,5đ					1 (TL3) 0,5đ			
	Các hình	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25đ								

3	phẳng trong thực tiễn(10 tiết)	Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25đ			2 (TL7,8) 1đ					15%
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập và tô chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5 đ								15%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệutrên các bảng, biểu đồ.				2 (TL9,10) 1đ					
Tổng: Số câu Điểm			10 2,5	1 0,5	2 0,5	6 3,5		2 2,0		1 1,0	10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20 %		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6- CHÂU VĂN LIÊM

T T	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SO - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	1 0,5 đ			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.			1 1 đ	
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.			1 0,5 đ	
	Tính chia hết trong tập	Nhận biết :					

		hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.	1	0,5đ		
			– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.			1	0,5đ
			Thông hiểu: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Tìm được ƯC, ƯCLN, BC, BCNN của hai số tự nhiên		1 0,5đ		
			Vận dụng: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).				1 0,5đ
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.		1 0,5đ		
			– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	1	0,5đ		
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được các số nguyên cho trước.		1 0,5đ		
		Các phép tính với	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.			1	1đ

		số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia(chia hết) trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng:				1 0,5đ
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.		1 0,5đ		
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình vuông, Tam giác đều, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 0,5đ			
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành,	Nhận biết – Nhận biết được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 0,5đ			
			Thông hiểu: - Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên(ví dụ tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng		1 0,5đ		

		hình thang cân.	có dạng đặc biệt...)				
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1 0,5đ	
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Giải quyết được các vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng : bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ cột / cột kép ...		1 0,5đ		
TỔNG CỘNG			SỐ CÂU SỐ ĐIỂM	5 2,5đ	6 3đ	6 3,5đ	2 1đ

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (4,0 điểm)

Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Trong các số sau số nào là số tự nhiên?

- A. $2\frac{1}{3}$ B. 7,8. C. $\frac{2}{5}$. D. 2023.

Câu 2 Cho $M = \{4; 5; 6; 7; 8\}$. Khẳng định đúng là:

- A. $5 \in M$. B. $5 \notin M$ C. $6 \notin M$. D. $1 \in M$

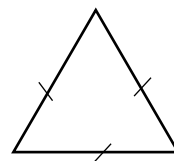
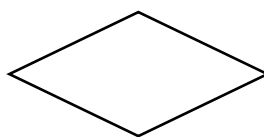
Câu 3. Số đối của số -42 là:

- A. 0 B. 42 C. -42 D. 50

Câu 4. Bội của 8 là số nào sau đây:

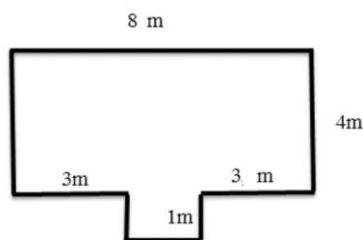
- A. 4 B. 25 C. -32 D. -2

Câu 5. Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?



- A. B. C. D.

Câu 6.: Một mảnh đất có dạng như hình vẽ bên. Hãy tính diện tích mảnh đất?



- A. $32m^2$ B. $56 m^2$ C. $34m^2$ D. $40m^2$

Câu 7: Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. 3.4.5 B. $2^2.3.5$ C. 2.5.6 D. 6.10

Câu 8: Kết quả của phép tính: $(-41) + (-49)$ là:

- A. - 90 B. -8 C. 90 D. -70

PHẦN 2: TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

- Viết tập hợp các ước 18.
- Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 206, -99, -22; 0; 15;-3.
- Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 5 giờ là -6°C , đến 10 giờ tăng thêm 6°C , và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 2°C . Nhiệt độ Mát-xcơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

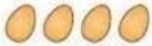
Bài 2. (1,5 điểm)a) Thực hiện phép tính:

$$\{[(490 + 119): 7] - 19^8: 19^7\} - 16.2023^0$$

- Tìm số tự nhiên n để biểu thức $\frac{n^3 - 27}{37}$ không là số nguyên tố cũng không là hợp số.
- Tìm x biết : $20 - x = 25$

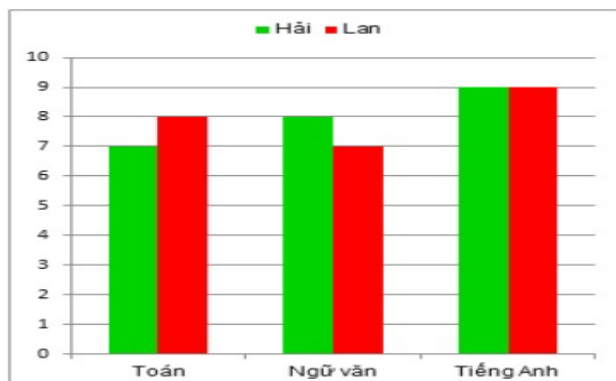
Bài 3. (1 điểm) Trong đợt tiêm vaccine ngừa Covid-19 cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Phú Nhuận, Trung tâm Y tế dự phòng quận đã huy động 24 bác sĩ ,60 y tá và chia thành các tổ tiêm.Việc chia tổ cần đảm bảo sao cho số các bác sĩ và y tá được chia đều vào các tổ. Hỏi có thể chia số các bác sĩ và y tá đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ tiêm ? Lúc đó mỗi tổ có bao nhiêu bác sĩ , bao nhiêu y tá?

Bài 4. (1 điểm) Quan sát biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi sau :

Gà mái mơ	
Gà mái ri	
Gà mái đen	

- Con gà nào đẻ được nhiều trứng nhất? Con gà nào đẻ được ít trứng nhất?
- Ba con gà đã đẻ được tất cả bao nhiêu quả trứng?

Bài 5. (1 điểm) Cho biểu đồ cột kép biểu diễn điểm học kì 1 của bạn Hải và bạn Lan như sau:



- Cho biết Môn học nào hai bạn có điểm số tốt nhất?
- Bạn Hải học tốt hơn bạn Lan ở môn học nào?

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM Toán - Lớp 6 - CT

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	B	C	D	C	B	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	$U(18) = \{1;2;3;6;9;18\}$	0,5
1b (0,5đ)	-99 ; -22 ; -3 ; 0 ; 15 ; 206	0,5
1c (0,5đ)	Nhiệt độ ở Mat-xco-va lúc 12 giờ là: $(-6) + 6 + 2 = 2 (^{\circ}\text{C})$	0,5
2a (0,5đ)	$\begin{aligned} & \{[(490 + 119): 7] - 19^8: 19^7\} - 16.2022^0 \\ &= \{[609: 7] - 19\} - 16.1 \\ &= \{87 - 19\} - 16 = 52 \end{aligned}$	0,25x 2
2b (0,5đ)	Số tự nhiên n để biểu thức $\frac{n^3 - 27}{37}$ không là số nguyên tố cũng không là hợp số. $\Rightarrow \frac{n^3 - 27}{37} \in \{0; 1\}$ +) $\frac{n^3 - 27}{37} = 0 \Rightarrow n^3 - 27 = 0$ $n^3 = 27 = 3^3$ $\Rightarrow n = 3.$ +) $\frac{n^3 - 27}{37} = 1 \Rightarrow n^3 - 27 = 37 \cdot 1 = 37$ $\Rightarrow n^3 = 37 + 27 = 64 = 4^3$ $\Rightarrow n = 4.$	0,5
2c (0,5đ)	$20 - x = 25, x = 20 - 25, x = -5$	0,25. 2
3 (1 đ)	Gọi a là số tổ cần tìm ($x \in N^*$) Ta có : $24 : a; 60 : a$ và a là số lớn nhất $\Rightarrow a$ là UCLN(24 ;60) $24=2^3.3 \quad 60=2^2.3.5. \quad \text{UCLN}(24 ;60) = 4.3=12 \Rightarrow a = 12$ Vậy số tổ cần tìm là 12 tổ. Lúc đó mỗi tổ có 24: 12 =2 (Bác sĩ) và 60:12 = 4 (y tá)	0,25x 4
4 (1,0đ)	a) Con gà đẻ được nhiều trứng nhất là gà Ri, Con gà đẻ được ít trứng nhất là gà mơ. b) Ba con gà đẻ được 15 quả trứng.	0,25x4

5 (1đ)	Tiếng Anh	
	Toán	0,5
<i>HS trình bày không giống đáp án về thứ tự tính nhưng hợp lý vẫn tính điểm như biểu điểm .</i>		

Người chịu trách nhiệm ra đề và đáp án: